

Số: 59/2026/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2026/TLST - HNGĐ
ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thu L**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: **Số F Đường H, tổ B, ấp C, xã K, tỉnh An Giang.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng V**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: **Số F Đường H, tổ B, ấp C, xã K, tỉnh An Giang.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày
24 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Phạm Thị Thu L** và ông **Nguyễn Trọng V**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà **Phạm Thị Thu L** và ông **Nguyễn Trọng V** có 02 con chung tên **Nguyễn Trọng T**, sinh ngày 27/9/2000 (đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết) và **Nguyễn Trọng A**, sinh ngày 01/01/2010. Hai bên thoả thuận giao con chung **Nguyễn Trọng A** cho bà **Phạm Thị Thu L** nuôi dưỡng đến khi đủ

18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu **A** muốn sống chung với bà **L** nên ghi nhận. Ông **Nguyễn Trọng V** cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu **Nguyễn Trọng A** mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông **Nguyễn Trọng V** được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cấm cản.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận được với nhau trước khi Tòa án hòa giải và không có yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên đề nghị Tòa án ghi nhận để khởi tranh chấp về sau như sau:

Bà **Phạm Thị Thu L** và ông **Nguyễn Trọng V** có tài sản chung gồm:

1. Quyền sử dụng đất số AB 915086 do ông **Nguyễn Trọng V** đứng tên diện tích 99,9m² (gắn liền với nhà) tọa lạc tại khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp C, xã K, tỉnh An Giang) do UBND huyện K cấp ngày 26/8/2008, loại đất ở tại đô thị, ông **Nguyễn Trọng V** thống nhất giao cho bà **Phạm Thị Thu L** được toàn quyền sử dụng đất trên (tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà), bà **Phạm Thị Thu L** có nghĩa vụ trả lại cho ông **Nguyễn Trọng V** số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) để được sử dụng nhà, đất trên. Khi ông **V** sang tên quyền sử dụng đất cho bà **Phạm Thị Thu L** đứng tên thì bà **L** sẽ giao cho ông **Nguyễn Trọng V** số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Khi bà **L** giao tiền xong cho ông **V** thì ông **V** được quyền lưu cư trong căn nhà trên với thời hạn tối đa là 09 tháng tính từ ngày giao nhận tiền, sau đó ông **V** sẽ tự nguyện ra khỏi nhà. Nếu ông **Nguyễn Trọng V** không thực hiện đúng thời hạn trên thì bà **Phạm Thị Thu L** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế theo quy định.

Nếu ông **Nguyễn Trọng V** không thực hiện việc sang tên phần đất trên cho bà **Phạm Thị Thu L** đứng tên sử dụng thì bà **L** có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế để điều chỉnh biến động cho bà **Phạm Thị Thu L** đứng tên phần đất trên. Ngược lại nếu bà **Phạm Thị Thu L** không trả đủ số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) cho ông **Nguyễn Trọng V** thì ông **V** có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế buộc bà **L** giao đủ số tiền trên theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà **Phạm Thị Thu L** không trả cho ông **Nguyễn Trọng V** số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) trên thì hàng tháng bà **L** còn phải trả thêm cho ông **V** khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Ngoài ra ông Nguyễn Trọng V và bà Phạm Thị Thu L còn có tài sản chung là phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO411502 thửa đất số 03, tờ bản đồ số 158-2018, diện tích 100m² đất ở tại nông thôn tọa lạc tại ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang do Sở T1 cấp ngày 01/10/2018 cho bà Hồ Ngọc C, nay đã đánh biến động sang tên cho ông Nguyễn Trọng V ngày 06/01/2020. Bà Phạm Thị Thu L thống nhất giao cho ông Nguyễn Trọng V được toàn quyền sử dụng phần đất này.

*Về nợ chung và cho vay nợ: Hai bên thống nhất không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

*Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), án phí cấp dưỡng 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), tổng cộng 300.000 đồng. Bà Phạm Thị Thu L tự nguyện nộp hết nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 301904 ngày 27/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 8 – An Giang;
- UBND xã Kiên Lương;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng